

Bản án số: 72/2024/HS-ST

Ngày: 02/02/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Xuân Lang.
- Ông Bùi Quang Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 2 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2024/TLST-HS ngày 12/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2024/HSST- QĐ ngày 08/10/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị Ngọc T ; giới tính: Nữ; sinh ngày: 27/9/1989; tại: tỉnh Trà Vinh; nơi đăng ký HKTT: G, phường T, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: H, Đường số E, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Người mẫu, kinh doanh; con ông Trần T, sinh năm 1957 và bà Trịnh Thị C (đã chết); hoàn cảnh gia đình: Có 04 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến nay - tại Trại tạm giam Chí Hòa Công an Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Họ và tên: Trần Xuân Đ ; giới tính: Nam; sinh ngày: 15/02/1987; tại: Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT: B, Chung cư P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: S, địa chỉ số T, Tổ F, Khu phố R, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty BMW Việt Nam; con ông Trần Đ, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1961; hoàn cảnh gia đình: bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1993; con: Có 02 người con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến nay - tại Trại tạm giam Chí Hòa Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

+ Người bào chữa:

1. Ông Trần Xuân Đ , luật sư Công ty Luật T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông Lê Ngô T, luật sư Công ty Luật T và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Ông Nguyễn Thiên P , luật sư Công ty Luật H, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt – bị cáo Trần Thị Ngọc T từ chối luật sư bào chữa tại phiên tòa).

- Các luật sư Dương T và Lê N bào chữa cho bị cáo Trần Thị Ngọc T .

4. Ông Nguyễn Văn V , luật sư Văn phòng luật sư L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Xuân Đ (có mặt).

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1994; nơi đăng ký NKTT: Khóm B, thị trấn C , huyện T, tỉnh T; chỗ ở: B, Đường số R, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1988; cư trú: G, tổ T, khu phố B, phường R, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Ông Tăng Duy K , sinh năm 1994; nơi đăng ký NKTT: B, Khóm T, phường C , thành phố C, tỉnh An Giang; tạm trú: H, Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Ông Nguyễn Hoàng S , sinh năm 1994; cư trú: T, Phường Q, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Ông Trần Ngọc K , sinh năm 1983; cư trú: G, số E , phường N, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

6. Bà Lê Thị Hồng N , sinh năm 1990; cư trú:R, số H, phường G, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

7. Ông Nguyễn Phong R, sinh năm 1988; cư trú: F, phường E, thành phố H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Ngọc T (thường gọi là người mẫu Ngọc T) mặc dù không có Bằng lái xe hạng A2, nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 đến tháng 10/2023, Trần Thị Ngọc Tr đã rủ Trần Xuân Đ đến các địa điểm là những tuyến đường giao thông công cộng trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để cùng nhau thực hiện các động tác lái xe nguy hiểm như: thả 2 tay, nằm trên yên xe, quỳ gối trên yên xe mô tô phân khối lớn... Đồng thời, Trần Thị Ngọc Tr chỉ đạo, phân công Nguyễn Thị Thúy K (là trợ lý của T), Nguyễn Thanh L (là tài xế của T) và Tăng Duy K (bạn của L) chuẩn bị điện thoại, flycam để quay lại quá trình T và Đ thực hiện các động tác lái xe nguy

hiểm. Sau đó, T biên tập lại và đăng tải các video này lên các trang mạng cá nhân của T nhằm mục đích gây sự chú ý. Cụ thể như sau:

Ngày 05 và ngày 06/9/2023, Trần Thị Ngọc T hẹn gặp Trần Xuân Đ tại đường Trần Bạch Đ thuộc khu đô thị mới T, thành phố Thủ Đức để thực hiện các động tác lái xe nguy hiểm. Tại đây, T điều khiển xe mô tô hiệu Kawasaki “Ninja”, biển số 59A3-650.98 (là xe của Đ), không mặc đồ bảo hộ, thực hiện các động tác lái xe nguy hiểm như đứng bằng hai chân sang phía bên trái của xe mô tô, hai tay dang ngang không cầm tay lái của xe mô tô, hai tay vòng lên trên đầu; hai chân để sang bên trái xe mô tô, tay phải đặt vào tay lái bên phải của xe mô tô, tay trái đặt vào phần đuôi xe mô tô; người hướng về đầu xe mô tô, hai chân để sang bên trái xe mô tô, chân phải đặt vào phần để chân bên trái xe mô tô, tay trái giơ ngang; hai tay cầm vào hai tay lái, đồng thời hai gối khụy và tì đè xuống phần yên xe, hai lòng bàn chân hướng về đuôi xe, người khom về phía trước đầu xe; đứng lên và giơ hai tay sang ngang; đứng lên và giơ hai tay vòng qua đầu.... còn Trần Xuân Đ cũng điều khiển xe mô tô hiệu BMW R1200GS, biển số 59A3-101.09 (là xe của Trần Xuân Đ) chạy song song cùng T và hướng dẫn Trần Thị Ngọc Tr thực hiện các động tác trên. Trong quá trình Trần Thị Ngọc Tr và Trần Xuân Đ điều khiển xe như trên, Nguyễn Thanh L chạy xe mô tô chở Nguyễn Thị Thúy K ngồi phía sau dùng điện thoại của Kiều quay lại. Đồng thời, Tăng Duy Kh thực hiện việc quay phim bằng flycam. Hành vi của Trần Thị Ngọc Tr và Trần Xuân Đ diễn ra trong khoảng thời gian 01 tiếng, trên tuyến đường đã được phép lưu thông công cộng.

Đến ngày 06/10/2023 Trần Thị Ngọc T tiếp tục cùng Trần Xuân Đ đến đoạn đường D15, khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức để thực hiện các động tác lái xe nguy hiểm. Tại đây, Trần Thị Ngọc Tr điều khiển xe mô tô hiệu BMW S1000RR, biển số 59AA-000.74 (là xe của Trần Thị Ngọc Tr), không mặc đồ bảo hộ, thực hiện động tác lái xe nguy hiểm với tư thế nằm sấp trên xe mô tô, mặt hướng về phía trước, hai tay để ở vị trí tay lái, ngực tì đè lên bình xăng, chân phải duỗi thẳng ra phía đuôi xe, chân trái co lại tì đè lên phần yên xe, lòng bàn chân hướng về đuôi xe. Còn Trần Xuân Đ điều khiển xe mô tô hiệu BMW, biển số 59A3-115.88 (là xe của Trần Xuân Đ) chạy song song, phía sau và cùng thực hiện động tác lái xe nguy hiểm với tư thế nằm trên xe, hai chân duỗi thẳng ra sau để điều khiển xe. Toàn bộ quá trình được Tăng Duy Kh quay lại bằng điện thoại của Trần Thị Ngọc Tr, còn s (trợ lý của Trần Xuân Đ) được Trần Thị Ngọc Tr nhờ chở Khánh chạy theo quay phim cho Trần Thị Ngọc Tr. Hành vi của Trần Thị Ngọc Tr và Trần Xuân Đ diễn ra trong khoảng thời gian 01 tiếng, trên tuyến đường đã được phép lưu thông công cộng.

Các video và hình ảnh lái xe nguy hiểm của Trần Thị Ngọc Tr và Trần Xuân Đ trong ngày 06/9/2023 và ngày 06/10/2023 được Trần Thị Ngọc Tr biên tập và tự đăng lên bằng các tài khoản cá nhân trên nền tảng mạng xã hội như: Tài khoản Tiktok “Ngoc Trần Thị Ngọc Tr” (ID: @ngoc Trần Thị Ngọc Tr 89; hiện có 6,8 triệu người theo dõi; đã nhận tổng cộng hơn 163,3 triệu lượt thích cho tất cả các video) đã đăng tải 05 video có nội dung liên quan đến hành

vi điều khiển xe mô tô phân khối lớn với các động tác lái xe phản cảm, nguy hiểm vào các ngày 24-28/9/2023 và ngày 02-06-08/10/2023. Tính đến 10 giờ ngày 12/10/2023, các video này đã nhận được 478.000 lượt thích; 4.881 lượt bình luận; 9.848 lưu video; 5.787 lượt chia sẻ; Tài khoản Facebook “Trần Thị Ngọc T (Cô bé ăn hàng)” (facebook.com/ngoc Trầ n Thị Ngọc Trầ n fashion89; hiện có hơn 3,1 triệu người theo dõi) cũng đăng tải các video nêu trên thu hút 5.900 lượt tương tác, 438 lượt bình luận, 266 lượt gửi; Tài khoản Fanpage Facebook “NGOC TRẦN THỊ NGOC TR” (hiện có 2,7 triệu lượt thích; 5,9 triệu người theo dõi) đăng tải 01 video thể hiện Ngọc Trầ n Thị Ngọc Trầ n lái xe mô tô phân khối lớn và bị tai nạn dẫn đến chấn thương ở chân.

Ngày 11/10/2023, Ban an toàn giao thông phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 175/BC-ATGT đề nghị Công an thành phố Thủ Đức xử lý hành vi gây mất an ninh, trật tự, an toàn giao thông của Trầ n Thị Ngọc T có hành vi cùng một thanh niên (chưa rõ lai lịch) điều khiển xe mô tô phân khối lớn trên tuyến đường D15 khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú B là nơi công cộng thực hiện động tác lái xe nằm trên yên xe... gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn giao thông.

Ngày 13/10/2023, UBND phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 13/UBND-M đề nghị Công an thành phố Thủ Đức và Công an Thành phố Hồ Chí Minh xem xét xử lý hành vi của Trầ n Thị Ngọc T lái xe phân khối lớn trên đường Trầ n Bạch Đằng thuộc Khu đô thị Thủ Thiêm là nơi công cộng, thực hiện các động tác lái xe thả hai tay, nằm trên yên xe... gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn giao thông.

Do việc đăng tải, phát tán nội dung các video clip của các tài khoản cá nhân của Trầ n Thị Ngọc T nêu trên có ảnh hưởng xấu đến vấn đề an ninh trật tự và an toàn xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức, lối sống và văn hóa ứng xử của giới trẻ, đặc biệt đây là tài khoản mạng xã hội được hàng triệu người theo dõi. Sở Thông tin truyền thông Thành phố, Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 3467/STTTT-TTĐT ngày 18/10/2023 và Phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm số 2094 ngày 12/10/2023, về việc chuyển thông tin, tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Ngày 19/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trầ n Thị Ngọc T và Trầ n Xuân Đ .

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ 04 xe mô tô, gồm xe mô tô biển số 59A3-650.98, xe mô tô biển số 59A3-101.09, xe mô tô biển số 59AA-000.74 và xe mô tô biển số 59A3-115.88 cùng giấy đăng ký xe mô tô biển số 59A3-115.88.

Xác minh tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: 03 xe mô tô biển số 59A3-650.98, biển số 59A3-101.09 và biển số 59A3-115.88, không lưu trữ thông tin số khung, số máy. Xác minh tại đơn vị

phân phối BMW không thấy thông tin nhập khẩu; qua giám định kết luận, các biển số xe trên là giả.

Trần Xuân Đ khai 03 xe mô tô nêu trên, Trần Xuân Đ mua của các đối tượng không rõ lai lịch. Khi mua xe, Trần Xuân Đ biết Giấy đăng ký xe là giả nhưng do ham rẻ và đang cần xe để sử dụng nên Trần Xuân Đ đồng ý mua. Đối với Giấy đăng ký xe mô tô biển số 59A3-650.98 và xe mô tô biển số 59A3-101.09 Trần Xuân Đ đã làm mất (không thu hồi được). Đối với Giấy đăng ký xe mô tô biển số 59A3-115.88, Trần Xuân Đ sử dụng từ năm 2020 đến khi thực hiện hành vi “Gây rối trật tự công cộng” vào ngày 06/9/2023 và ngày 06/10/2023” thì bị phát hiện.

Theo Kết luận giám định số 11349/KL-KTHS ngày 12/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE MÁY” số 122678, tên chủ xe Nguyễn Vũ Thành Tấn, biển số đăng ký 59A3-115.88 đề ngày 03/6/2018 là giả. Tiến hành xác minh tại Công an phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xác định tại Khu phố 1, phường Trung Mỹ Tây không có người tên Nguyễn Vũ Thành Tấn, nên không có cơ sở điều tra, xác minh làm rõ để xử lý.

Đối với xe mô tô biển số 59AA-000.74, qua xác minh chủ sở hữu là ông Nguyễn Phong Vũ, ông Vũ cho Trần Thị Ngọc Tr mượn xe để sử dụng và không biết việc Trần Thị Ngọc Tr sử dụng để phạm tội vào ngày 06/10/2023 (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh chuyển Công an thành phố Thủ Đức xử phạt hành chính đối với ông Vũ).

Quá trình điều tra, Trần Thị Ngọc T và Trần Xuân Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án: Được liệt kê tại Phiếu nhập kho vật chứng số NK2024/143 ngày 19/01/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định chuyển vật chứng số 53/QĐ-VKS-P2 ngày 17/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKS-P2 ngày 10/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, truy tố để xét xử:

- Bị cáo Trần Thị Ngọc T, về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Trần Xuân Đ, về tội: “Gây rối trật tự công cộng” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 318 và khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Trần Thị Ngọc T và Trần Xuân Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm, nội dung phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi tóm tắt nội dung vụ án và trình bày lời luận tội, đánh giá về tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, về vai trò tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm, các tình tiết định khung, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo; đã khẳng định bản Cáo trạng truy tố để xét xử đối với các bị cáo Trần Thị Ngọc T và Trần Xuân Đ về tội danh, điều khoản điều luật đã viện dẫn là có cơ sở pháp luật.

Theo đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tuyên phạt bị cáo Trần Thị Ngọc T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, về tội: “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tuyên phạt bị cáo Trần Xuân Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù, về tội: “Gây rối trật tự công cộng”; từ 06 tháng đến 12 tháng tù, về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 12 tháng đến 21 tháng tù

- Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với tài sản là phương tiện dùng phạm tội và các xe mô tô không rõ nguồn gốc thuộc diện cấm lưu hành; trả lại tài sản cho người liên quan không liên quan tội phạm - theo quy định tại 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bào chữa cho các bị cáo Trần Thị Ngọc T, Trần Xuân Đ, luật sư thống nhất với nội dung vụ án và tội danh và điều luật đã viện dẫn và các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát truy tố và đề nghị áp dụng khi quyết định hình phạt nên không tranh luận. Luật sư chỉ đề nghị xem xét về tình tiết định khung và tăng nặng đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”; ngoài ra còn phân tích về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, đánh giá khi quyết định hình phạt. Cụ thể:

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thị Ngọc Tr, phát biểu: Về nguyên nhân phạm tội, mục đích ban đầu bị cáo mong muốn học để thi Bằng lái xe hạng A2; hiện trường vụ án là những đoạn đường vắng người qua lại do Trần Xuân Đ (là thầy dạy lái xe của Trần Thị Ngọc Tr) tìm địa điểm nên bị cáo suy nghĩ giản đơn là sân tập; nhận thức về pháp luật của bị cáo không phân định được giữa ranh giới mong manh về hành vi khi tập xe và thực hiện các hành động phản cảm, tư thế nguy hiểm do bị cáo Trần Xuân Đ hướng dẫn có phạm tội hay không? Các bị cáo Trần Xuân Đ và Trần Thị Ngọc Tr phạm tội đồng phạm nhưng mang tính giản đơn không có tổ chức; trong các lần phạm tội vào ngày 5-6/9/2023 và 06/10/2023, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước, chỉ sau khi đã tập xe, do bột phát Trần Thị Ngọc Tr muốn tập các tư thế khó thì Trần

Xuân Đ mới hướng dẫn và Trần Thị Ngọc Tr tập theo. Đối với tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần”, đề nghị xem xét đoạn đường Trần Bạch Đằng thuộc khu Đô thị mới Thủ Thiêm mà Trần Thị Ngọc Tr và Trần Xuân Đ thực hiện hành vi tập xe thì hai bên đường không có nhà dân sinh sống (thể hiện tại bút lục 106). Ngoài ra, bị cáo Trần Thị Ngọc Tr có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nhiều hoạt động đóng góp thiện nguyện cho xã hội; bị cáo đã bị tạm giam hơn 03 tháng và tại phiên tòa, rất ăn năn hối cải về sai phạm của mình nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng không còn nguy hiểm. Đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án khoan hồng theo đề nghị của Viện kiểm sát, nhưng cho bị cáo hưởng án treo đã đủ tác dụng của hình phạt.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Xuân Đ, phát biểu: bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu với vai trò đồng phạm giản đơn do nhận thức về pháp luật chưa đầy đủ; mục đích phạm tội của bị cáo là xuất phát từ việc làm thuê cho Trần Thị Ngọc Tr để dạy lái xe (được trả phí 21 triệu đồng) và hướng dẫn về các động tác phản cảm, tư thế nguy hiểm theo yêu cầu của bị cáo Trần Thị Ngọc Tr nên phạm tội với vai trò thứ yếu. Đối với hành vi sử dụng Giấy đăng ký xe giả thì bị cáo sử dụng để xuất trình tại Công an thành phố Thủ Đức khi bị lập biên bản vi phạm hành chính chứ không sử dụng vào các lần thực hiện hành vi “Gây rối trật tự công cộng” như Cáo trạng truy tố. Về tình tiết giảm nhẹ: gia đình bị cáo có nhiều người thân thích có công với Cách mạng (ông nội là cán bộ tiền khởi nghĩa và ông, bà ngoại, cô, chú bên nội ngoại đều được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương Kháng chiến Hạng Nhì; có người là Liệt sỹ; cụ ngoại là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng). Đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo mức án khoan hồng, cho bị cáo cơ hội sớm chấp hành xong hình phạt.

Các bị cáo Trần Thị Ngọc T, Trần Xuân Đ thống nhất với quan điểm của luật sư bào chữa cho mình, không tranh luận và bào chữa bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Trong phần luận tội, Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện vụ án và xem xét tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo cùng đồng phạm gây ra để cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật khi đề nghị hình phạt nên bảo lưu quan điểm truy tố và không chấp nhận quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thị Ngọc T, Trần Xuân Đ nêu ra về các tình tiết định khung, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với các tình tiết giảm nhẹ mới luật sư nêu ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đánh giá để áp dụng theo quy định của pháp luật và ghi nhận trong bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng (Điều tra viên, Cán bộ điều tra Cơ quan

Cảnh sát điều tra, Kiểm sát viên) và người bào chữa - trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận trong giai đoạn điều tra tự nguyện khai báo, bị cáo, người bào chữa không có khiếu nại trong các giai đoạn tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng nêu trên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo Trần Thị Ngọc T và Trần Xuân Đ tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, về cơ bản phù hợp với nhau; và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: Phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm, các biên bản (xác định hình ảnh, địa điểm nơi xảy ra sự việc; tạm giữ, đồ vật, dữ liệu điện tử; thu giữ vật chứng), các bản kết luận giám định, lời khai của người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Xét, đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ đầu tháng 9/2023 đến tháng 10/2023, mặc dù không có bằng lái xe hạng A2 nhưng bị cáo Trần Thị Ngọc T và Trần Xuân Đ đã bàn bạc, chuẩn bị phương tiện là xe mô tô phân khối lớn, lựa chọn địa điểm để cùng nhau thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô phân khối lớn, thực hiện các động tác lái xe nguy hiểm, di chuyển trên nhiều tuyến đường ở nơi công cộng trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời, Trần Thị Ngọc Tr còn phân công, rủ rê Nguyễn Thanh Long, Nguyễn Thị Thúy Kiều và Tăng Duy Kh chuẩn bị điện thoại đi động, flycam đi cùng tham gia để quay phim. Cụ thể như sau:

Vào các ngày 05/9 và ngày 06/9/2023, Trần Thị Ngọc T đã thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô Kawasaki Ninja 650 màu xám, biển số: 59A3-650.98 không mặc đồ bảo hộ, thực hiện các động tác lái xe nguy hiểm và phản cảm như: đứng bằng hai chân sang phía bên trái của mô tô, hai tay dang ngang không cầm vào vị trí tay lái của xe mô tô, hai tay vòng lên trên đầu...; còn Trần Xuân Đ cũng điều khiển xe mô tô BMW R1200GS, biển số 59A3-101.09 chạy song song cùng Trần Thị Ngọc Tr thực hiện các động tác lái xe nguy hiểm như: đứng thẳng người, hai tay giang ngang chứ không cầm tay lái điều khiển trên đoạn đường Trần Bạch Đằng thuộc Khu đô thị mới Thủ Thiêm, phường Thủ Thiêm.

Đến ngày 06/10/2023, Trần Thị Ngọc T tiếp tục thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô BMW S1000RR, biển số 59AA-000.74, không mặc đồ bảo hộ, thực hiện động tác lái xe nguy hiểm, phản cảm như: Nằm sấp trên xe mô tô, mặt hướng về phía trước, hai tay để ở vị trí tay lái, ngực tì đè lên bình xăng, chân phải duỗi thẳng ra phía đuôi xe, chân trái co lại tì đè lên phần yên xe...; còn Trần Xuân Đ điều khiển xe mô tô hiệu BMW S1000RR, biển số 59A3-115.88, chạy song song phía sau và cùng thực hiện động tác lái xe nguy hiểm với tư thế nằm trên xe, hai chân duỗi thẳng ra sau trên đoạn đường D15, khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú B.

Hậu quả các bị cáo Trần Thị Ngọc T và Trần Xuân Đ gây ra trong vụ án là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự công cộng, an toàn giao

thông (theo Văn bản số 175/BC-ATGT ngày 11/10/2023 của Ban an toàn giao thông phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức và Văn bản số 13/UBND-M ngày 13/10/2023, UBND phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức). Ngoài ra, trong các lần thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, Trần Thị Ngọc Tr còn tổ chức cho quay video, biên tập và tự đăng lên bằng tài khoản cá nhân trên các nền tảng mạng xã hội (Tiktok; Facebook) có số lượng người theo dõi rất lớn, bình luận và tương tác đặc biệt lớn, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội.

Trong vụ, các bị cáo Trần Thị Ngọc T và Trần Xuân Đ phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, có sự bàn bạc, phân công, chuẩn bị phương tiện và lựa chọn địa điểm để phạm tội (trong đó, bị cáo Trần Thị Ngọc Tr là người đề xuất thời gian, đưa ra yêu cầu động tác; còn bị cáo Trần Xuân Đ chuẩn bị phương tiện, lựa chọn địa điểm và hướng dẫn thực hiện); nhưng mang tính nhất thời, giản đơn, cùng nhau phạm tội sau cuối mỗi buổi Trần Xuân Đ đang hướng dẫn Trần Thị Ngọc Tr tập xe mô tô, vai trò của các bị cáo là như nhau, không có người cầm đầu, chủ mưu; giữa các bị cáo không có sự kết chặt chẽ với nhau trong việc thực hiện tội phạm nên không thuộc trường hợp “có tổ chức”, là tiết định khung hình phạt như bản Cáo trạng truy tố.

Đối với bị cáo Trần Xuân Đ, còn thực hiện hành vi mặc dù biết xe mô tô BMW (số khung: WB105240XDZ037420; số máy: 104EA06138188), gắn biển số 59A3-115.88, có giấy tờ đăng ký xe giả nhưng Trần Xuân Đ vẫn mua xe để sử dụng; sau khi bị cơ quan chức năng phát hiện lập Biên bản hành chính về hành vi vi phạm Luật Giao thông đường bộ thì Trần Xuân Đ vẫn sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe giả để xuất trình với Công an.

Như vậy, với hậu quả đã gây ra trong vụ án, sử dụng giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật và hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Thị Ngọc T và Trần Xuân Đ, đã phạm vào tội: “Gây rối trật tự công cộng” - tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của Trần Xuân Đ, còn phạm vào tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3]. Hành vi “Gây rối trật tự công cộng” của Trần Thị Ngọc T và Trần Xuân Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, đe dọa đến sự an toàn về tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự - trị an xã hội. Hành vi “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” của Trần Xuân Đ, còn xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan nhà nước và sự động bình thường của cơ quan, tổ chức. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng với thái độ xem thường pháp luật vẫn phạm tội với lỗi cố ý.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Trong vụ án tính đến ngày bị bắt, các bị cáo Trần Thị Ngọc Tr và Trần Xuân Đ đều đã ít nhất 02 lần thực hiện hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; trong đó, mỗi lần đều có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm, còn thời hiệu và

chưa bị xử lý nên thuộc trường hợp “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét: về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm theo quy định tại Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lời nói sau cùng các bị cáo đều thể hiện sự hối hận, nhận thức được hành vi phạm tội của mình và mong muốn nhận được sự khoan hồng của pháp luật; bị cáo Trần Thị Ngọc Tr có tham gia các công tác xã hội, công tác thiện nguyện được các cấp có thẩm quyền tặng Giấy khen, Thư cảm ơn ...; bị cáo Trần Xuân Đ có nhiều người thân thích trong gia đình có công với Cách mạng (được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương Kháng chiến Hạng Nhì; có người là Liệt sỹ ...); để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt đáng ra phải chịu theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo: Về hình phạt đặt ra phải nghiêm minh, cần có một thời cách ly xã hội mới đủ tác dụng của hình phạt để giáo dục, răn đe bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, giáo dục họ ý thức tôn trọng pháp luật và các quy tắc ứng xử trong cuộc sống của bị cáo nói riêng và góp phần tuyên truyền, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Trần Thị Ngọc T Trần Thị Ngọc Tr : phạm tội ít nghiêm trọng (thuộc trường hợp “*phạm tội 02 lần trở lên*” và bị xử phạt mức án dưới 03 năm tù, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và đã bị tạm giam hơn 03 tháng, thời gian tạm giam phần nào đã có tác dụng của hình phạt để giáo dục, răn đe bị cáo. Do đó, không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không còn nguy hiểm cho xã hội, nên cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); là phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo*”.

Đối với bị cáo Trần Xuân Đ phạm nhiều tội bị xét xử nên cần tổng hợp hình phạt chung theo quy định Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

[5]. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử đối với các bị cáo Trần Thị Ngọc T và Trần Xuân Đ về tội danh, là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Lập luận nêu trên của Hội đồng xét xử cũng là căn cứ để chấp nhận và không chấp nhận: quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về hình phạt; quan điểm bào chữa của luật sư cho các bị cáo Trần Thị Ngọc T và Trần Xuân Đ , về tính

chất mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm, về các tình tiết định khung, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt.

[6]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

6.1. Đối với đồ vật, tài liệu là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo thì tịch thu lưu hồ sơ (toàn bộ đang được lưu tại hồ sơ vụ án), gồm:

- * 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 122678, tên chủ xe Nguyễn Vũ Thành Tấn, biển số đăng ký 59A3-115.88, đề ngày 03/06/2018;

- * 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 193346, biển số đăng ký: 59A3-037.36 do Phòng CSGT đường bộ - đường sắt Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2019;

- * 01 (một) biên bản vi phạm hành chính số 0011085/BB-VPHC; 01 (một) biên bản niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính số 0026702/BB-NPTG;

- * 01 (một) biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số 0036085/BB-TG cùng ngày 10/10/2023 Công an thành phố Thủ Đức

6.2. Đối với tài sản thu giữ trong vụ án, qua điều tra kết luận: là tài sản cá nhân của bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội và thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; các xe mô tô trên hệ thống không lưu trữ thông tin (số khung, số máy), không có thông tin nhập khẩu tại đơn vị phân phối xe BMW Việt Nam và không có thông tin trong hệ thống thông tin xe vật chứng lưu trữ tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh (là tài sản không có nguồn gốc hợp pháp, cấm lưu hành); tài sản của người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án sử dụng làm phương tiện quay video giúp sức cho bị cáo thực hiện hành vi trái pháp luật thì tịch thu sung quỹ nhà nước. Cụ thể như sau:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước :

- * Thu giữ của bị cáo Trần Thị Ngọc T , gồm : 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone Xs, số IMEI: 357207090930413 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Z Flip4, số IMEI: 358975991056400 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Z Flip5, số IMEI: 350731691668285 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 12 Pro Max, số IMEI: 356715113669678 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 15 Pro Max, màu xanh, số IMEI: 356103504748049 (đã qua sử dụng)

- * Thu giữ của bị cáo Trần Xuân Đ : 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro, màu trắng, số IMEI: 350367276755765 (đã qua sử dụng); 01 (một) xe mô tô gắn biển số giả: 59A3 - 650.98, số khung: JKAEX650KKDA23768, số máy: ER650AEX32898; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BMW, gắn biển số giả 59A3-101.09, số khung: WB10A010XDZ109107, số máy: 122EN-51120030; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BMW, biển số 59A3-115.88, số khung : WB105240XDZ037420, số máy: 104EA06138188

6.2. Đối với biển số xe giả là vật cấm lưu hành và đồ vật thu giữ (không có giá trị sử dụng) thì tịch thu tiêu hủy, gồm:

* 01 (một) biển số mô tô 59A3-650.98 giả và 01 biển số 59A3-101.09 giả;

* 03 (ba) thẻ nhớ microSD hiệu Sandisk, dung lượng 128 GB (Thẻ nhớ camera tại cửa hàng Moto Bình;

6.3. Đối với tài sản thu giữ trong vụ án, qua điều tra là tài sản cá nhân, không chứng minh liên quan tội phạm thì trả lại cho chủ sở hữu, cụ thể như sau:

* Thu giữ của Nguyễn Thị Thúy Kiều 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12, màu xanh dương, **số IMEI: 354112723786567** (đã qua sử dụng)

* Trả cho anh Nguyễn Thanh Long 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu trắng, **số IMEI: 353905109372766** (đã qua sử dụng)

* Trả cho anh Nguyễn Hoàng S 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, bị bể hai mặt, dung lượng 256GB, số IMEI: 356715085222571 (đã qua sử dụng)

* Trả cho anh Nguyễn Phong Vũ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BMW, biển số 59AA-000.74, số khung: WB10E2100N6F62660, số máy: A10A10A-08222755-BMWAG

* Trả cho anh Tăng Duy Kh 01 (một) xe mô tô biển số 67E1-23077, hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, số khung: 0610GY282043, số máy: G3D4E296054; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 023625 do Công an TP. Châu Đốc, An Giang cấp ngày 05/10/2018; Biển số đăng ký: 67E1-230.77; 01 (một) thẻ nhớ microSD hiệu Sandisk dung lượng 64 GB; 01 (một) thẻ nhớ microSD hiệu Samsung dung lượng 64GB. 01 (một) thẻ nhớ microSD hiệu Sandisk dung lượng 128GB; 01 (một) đầu chuyển dữ liệu từ thẻ nhớ sang cổng Lightning hiệu “yesido”

[7]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với Nguyễn Thị Thúy Kiều (trợ lý của Trần Thị Ngọc Tr), Tăng Duy Kh là những người quay phim cho Trần Thị Ngọc Tr và Trần Thanh Long (tài xế của Trần Thị Ngọc Tr) và Nguyễn Hoàng S (trợ lý của Trần Xuân Đ) được Trần Thị Ngọc Tr nhờ chở Kiều quay phim cho Trần Thị Ngọc Tr là những người làm thuê cho Trần Thị Ngọc Tr và Trần Xuân Đ , được Trần Thị Ngọc Tr nhờ quay phim, trong nhận thức chủ quan của Kiều, Khánh, Long và Sơn chỉ là người làm thuê theo yêu cầu của Trần Thị Ngọc Tr quay phim, việc quay phim đưa lên mạng xã hội không là hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xử lý Kiều, Khánh, Long và Sơn về tội “Gây rối trật tự công cộng” là có cơ sở. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển tài liệu, phương tiện bay flycam của Tăng Duy Kh đến Cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức để xem xét xử lý về hành vi bay flycam khi chưa được cấp phép.

Đối với Trần Ngọc Kiên (bạn của Trần Thị Ngọc Tr), vào ngày 06/9/2023 khi thấy Trần Thị Ngọc Tr và Trần Xuân Đ cùng lái xe thực hiện các động tác nguy hiểm, thì Kiên cũng điều khiển xe mô tô hiệu BMW 1250RT, biển số 59A3 – 417.36 (là xe của Kiên) thực hiện các động tác lái xe như đứng dậy, tay trái cầm lái, tay phải giơ cao. Kiên chạy khoảng 50m thì dừng lại; giữa Kiên và Trần Thị Ngọc Tr không bàn bạc, rủ rê, hành vi của Kiên bộc phát, nhất thời. Xét hành vi của Kiên không gây nguy hiểm cho xã hội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xử lý Kiên, về tội “Gây rối trật tự công cộng” là có căn cứ. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển tài liệu, phương tiện của Trần Ngọc Kiên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức để xử phạt hành chính theo quy định.

Đối với Nguyễn Phong Vũ, Cơ quan CSĐT Công an TP. Hồ Chí Minh đã có văn bản chuyển tài liệu đến Công an thành phố Thủ Đức để ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Vũ, về hành vi giao xe cho người không đủ điều kiện quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính Phủ.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59A3-115.88, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 318; khoản 1 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Trần Xuân Đ 01 (một) năm tù, về tội: “Gây rối trật tự công cộng”; 06 tháng, về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Xuân Đ chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 318; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính kể từ ngày tuyên án, về tội: “Gây rối trật tự công cộng”.

- Giao bị cáo Trần Thị Ngọc T cho Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản

1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Thị Ngọc T chấp hành hình phạt tù của bản án.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tuyên bố trả tự do ngay cho bị cáo Trần Thị Ngọc T tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

3.1. Tịch thu lưu hồ sơ các tài liệu như sau (tài liệu được đánh số bút lục và đang được lưu tại hồ sơ vụ án), gồm:

* 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 122678, tên chủ xe Nguyễn Vũ Thành Tấn, biển số đăng ký 59A3-115.88, đề ngày 03/06/2018;

* 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 193346, biển số đăng ký: 59A3-037.36 do Phòng CSGT đường bộ - đường sắt Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2019;

* 01 (một) biên bản vi phạm hành chính số 0011085/BB-VPHC; 01 (một) biên bản niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính số 0026702/BB-NPTG;

* 01 (một) biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số 0036085/BB-TG cùng ngày 10/10/2023 Công an thành phố Thủ Đức

3.2. Tịch thu sung quỹ nhà nước :

* Thu giữ của bị cáo Trần Thị Ngọc T , gồm : 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone Xs, số IMEI: 357207090930413 (đã qua sử dụng, được niêm phong), không kiểm tra bên trong niêm phong; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Z Flip4, số IMEI: 358975991056400 (đã qua sử dụng, được niêm phong), không kiểm tra bên trong niêm phong; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Z Flip5, số IMEI: 350731691668285 (đã qua sử dụng, được niêm phong), không kiểm tra bên trong niêm phong; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 12 Pro Max, số IMEI: 356715113669678 (đã qua sử dụng, được niêm phong), không kiểm tra bên trong niêm phong; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 15 Pro Max, màu xanh, số IMEI: 356103504748049 (đã qua sử dụng, được niêm phong), không kiểm tra bên trong niêm phong.

* Thu giữ của bị cáo Trần Xuân Đ : 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro, màu trắng, số IMEI: 350367276755765 (đã qua sử dụng, được niêm phong), không kiểm tra bên trong niêm phong;

01 (một) xe hai bánh gắn máy; Nhãn hiệu: không xác định; Số liệu: Không xác định; Dung tích xi lanh: Không xác định; Biển số: Không biển số; Số khung:

JKAEX650KKDA23768, số máy: ER650AEX32898 (không gương, dàn nhựa bẻ, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra);

01 (một) xe hai bánh gắn máy; Nhãn hiệu: không xác định; Số liệu: Không xác định; Dung tích xi lanh: Không xác định; Biển số: Không biển số; Số khung: WB10A010XDZ109107, số máy: 122EN-51120030 (không gương, dàn nhựa bẻ, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra);

01 (một) xe hai bánh gắn máy; Nhãn hiệu: không xác định; Số liệu: Không xác định; Dung tích xi lanh: Không xác định; Biển số: 59A3-115.88; số khung: WB105240XDZ037420, số máy: 104EA06138188 (không gương, dàn nhựa bẻ, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra);

3.3. Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) thẻ nhớ microSD hiệu Sandisk, dung lượng 128 GB, được niêm phong trong 01 (một) phong bì; 01 (một) biển số mô tô 59A3-650.98 giả và 01 biển số 59A3-101.09;

3.4. Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp những đồ vật, tài sản cụ thể như sau:

* Bà Nguyễn Thị Thúy K 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12, màu xanh dương, số IMEI: 354112723786567 (đã qua sử dụng, được niêm phong), không kiểm tra bên trong niêm phong

* Ông Nguyễn Thanh L 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu trắng, số IMEI: 353905109372766 (đã qua sử dụng, được niêm phong), không kiểm tra bên trong niêm phong

* Ông Nguyễn Hoàng S 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, bị bể hai mặt, dung lượng 256GB, số IMEI: 356715085222571 (đã qua sử dụng, được niêm phong), không kiểm tra bên trong niêm phong

* Ông Nguyễn Phong V 01 (một) xe hai bánh gắn máy; Nhãn hiệu: BMW; Số loại: S1000RR; Dung tích xi lanh: 999; biển số 59AA-000.74, số khung: WB10E2100N6F62660, số máy: A10A10A-08222755-BMWAG.

* Ông Tăng Duy Kh 01 (một) xe hai bánh gắn máy; Nhãn hiệu: Yamaha; Số loại: Exciter; Dung tích xi lanh: 149; biển số 67E1-230.77, số khung: RLCUG0610GY282043, số máy: G3D4E296054 (không gương, dàn nhựa bẻ, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 023625 do Công an TP. Châu Đốc, An Giang cấp ngày 05/10/2018; Biển số đăng ký: 67E1-230.77; 01 (một) thẻ nhớ microSD hiệu Sandisk dung lượng 64 GB; 01 (một) thẻ nhớ microSD hiệu Samsung dung lượng 64GB; 01 (một) thẻ nhớ microSD hiệu Sandisk dung lượng 128GB; 01 (một) đầu chuyển dữ liệu từ thẻ nhớ sang cổng Lightning hiệu “yesido”. Tất cả đều được niêm phong trong 01 (một) phong bì.

(Vật chứng: theo Phiếu nhập kho vật chứng số NK2024/143 ngày 19/01/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Trần Thị Ngọc T và Trần Xuân Đ , mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại tạm giam; (2)
- Người bào chữa; (2)
- Đương sự; (0)
- THAHS TP.HCM; (2)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (24) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuấn Anh